

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T2 PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T2 PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân T2 phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân T2 phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân T2 phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: số 73/3 khóm Long Hưng 1, phường Mỹ Thới, T2 phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 28/10 khóm Trung An, phường Mỹ Thới, T2 phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Bùi Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông T2 mặc dù do mai mối nhưng hai bên tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Thới, T2 phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 25/4/2002, theo giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, quyền số 01/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T2 thường xuyên nhậu, không có trách nhiệm với gia đình. Nay do tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông T2.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 17/3/2002, đã trưởng T2, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T2 vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên tòa có mặt và trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T2 thống nhất lời trình bày của bà T1 về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà vẫn hạnh phúc, đôi khi mâu thuẫn chỉ là những chuyện nhỏ trong gia đình, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1 vì vẫn còn thương vợ.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 17/3/2002, đã trưởng T2, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, mặc dù ông T2 không đồng ý ly hôn nhưng bà T1 vẫn cương quyết ly hôn. Đồng thời, bà T1 trình bày quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 17/3/2002, đã trưởng T2, có khả năng lao động, không xem xét, giải quyết; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị T1 và ông Nguyễn Trung T2 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Trung T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Thái, T2 phố Long Xuyên nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T2 phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà T1 và ông T2 quen biết nhau do mai mối nhưng tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà T1 cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T2 thường xuyên uống rượu về có những lời lẽ xúc phạm bà T1 nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Riêng, ông T2 cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ trong sinh hoạt gia đình nhưng không trầm trọng đến mức ly hôn, ông T2 xin được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà T1, cùng nhau chăm sóc cho gia đình.

Xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 mặc dù qua mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù Tòa án đã động viên hòa giải nhưng bà T1 vẫn cương quyết ly hôn, đồng thời ông T2 cũng không đưa ra bất kỳ giải pháp hay phương thức nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho ông T2 nhưng ông T2 không đến, điều này cho thấy ông T2 không có thiện chí hòa giải cùng bà T1. Mặt khác, tại phiên tòa, bà T1 cho biết ông T2 thường xuyên uống rượu về có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng bà T1, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên bà cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chứng tỏ bà T1 không còn yêu thương ông T2. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của bà T1, ông T2 không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt

được nên nếu đoàn tụ thì cuộc sống hôn nhân cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà T1 yêu cầu xin ly hôn đối với ông T2.

[4] Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 17/3/2002, đã trưởng T2, có khả năng lao động, không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: bà T1 và ông T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà T1 và ông T2 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T1.

[1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T1 được ly hôn với ông Nguyễn Trung T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, T2 phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho bà Bùi Thị T1 và ông Nguyễn Trung T2, ngày 25/4/2002 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 17/3/2002, đã trưởng T2, có khả năng lao động, không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị T1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ

vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001060 ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự T2 phố Long Xuyên. Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà T1, ông T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- UBND P. Mỹ Thới, TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

